

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 221 /KH-UBND

Kiên Giang, ngày 11 tháng 10 năm 2022

KẾ HOẠCH

Điều chỉnh một số nội dung của Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện lập quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện và quy hoạch chung đô thị trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2025

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường chấn chỉnh công tác quy hoạch xây dựng, quản lý phát triển đô thị theo quy hoạch được duyệt;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội XI Đảng bộ tỉnh Kiên Giang nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Chương trình số 09-CTr/TU ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Tỉnh ủy về Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện lập quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện và quy hoạch chung đô thị trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang điều chỉnh một số nội dung của Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2021 về triển khai thực hiện lập quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện và quy hoạch chung đô thị trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2025, với nội dung chủ yếu như sau:

I. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH

1. Đối với Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện: Giữ nguyên theo tiểu mục 1 của Mục II Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh

(chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm Kế hoạch điều chỉnh này)

2. Điều chỉnh tiêu mục 2. Đối với Quy hoạch xây dựng vùng huyện của Mục II Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh

Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh	Điều chỉnh	Ghi chú
- Tổ chức thực hiện Quy hoạch xây dựng vùng huyện đã phê duyệt theo quy định của pháp luật đối với các huyện Tân Hiệp, Giồng Riềng, Gò Quao.	- Tổ chức thực hiện Quy hoạch xây dựng vùng huyện đã phê duyệt theo quy định của pháp luật.	
- Đẩy nhanh tiến độ công tác lập, thẩm định, trình phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện cho các huyện Kiên Lương, Vĩnh Thuận, An Biên; tập trung hoàn thành trong năm 2021.	- Đẩy nhanh tiến độ công tác lập, thẩm định, trình phê duyệt Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện An Biên trong năm 2022.	
- Tiếp tục tổ chức lập Quy hoạch xây dựng vùng huyện cho các huyện Châu Thành, Hòn Đất, An Minh, U Minh Thượng và Giang Thành trong giai đoạn 2021 - 2022; tập trung hoàn thành trong năm 2022.	- Tiếp tục tổ chức lập Quy hoạch xây dựng vùng huyện cho các huyện Châu Thành, Hòn Đất, An Minh, U Minh Thượng, Giang Thành và Kiên Hải trong giai đoạn 2022 - 2023. Tập trung hoàn thành trong Quý I năm 2023.	Bổ sung Quy hoạch xây dựng vùng huyện Kiên Hải

(chi tiết tại Phụ lục 2 đính kèm Kế hoạch điều chỉnh này)

3. Điều chỉnh tiêu mục 3. Đối với Quy hoạch chung đô thị của Mục II Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh

Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh	Điều chỉnh	Ghi chú
- Tổ chức lập mới hoặc điều chỉnh các đồ án quy hoạch chung đô thị trình cấp thẩm quyền phê duyệt, làm cơ sở rà soát điều chỉnh quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, tạo hành lang pháp lý để thu hút và kêu gọi đầu tư phát triển đô thị. Cụ thể như sau:		
+ Trong năm 2021: Tập trung thẩm định trình cấp có thẩm quyền phê duyệt các đồ án như: Điều chỉnh Quy	+ Trong năm 2022: Tập trung thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt các Đồ án như: Điều chỉnh Quy	Điều chỉnh tiến độ

<p>hoạch chung thành phố Rạch Giá đến năm 2040, Điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Kiên Lương đến năm 2040, Quy hoạch chung Đô thị mới Tắc Cậu, Quy hoạch chung đô thị Kiên Hải; trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt Quy hoạch chung thành phố và Khu kinh tế cửa khẩu Hà Tiên đến năm 2040.</p>	<p>hoạch chung thành phố Rạch Giá đến năm 2040; trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt Quy hoạch chung thành phố và Khu kinh tế cửa khẩu Hà Tiên đến năm 2040 và Quy hoạch chung thành phố Phú Quốc đến năm 2040.</p>	<p>thực hiện</p>
<p>+ Giai đoạn 2021 - 2022: Tổ chức lập Quy hoạch chung thành phố Phú Quốc đến năm 2040; tổ chức lập Quy hoạch chung đô thị mới Thổ Sơn, Quy hoạch chung đô thị U Minh Thượng; tổ chức lập Quy hoạch chung các đô thị Minh Lương, Tân Hiệp, Giồng Riềng, Gò Quao, Thứ Ba, Thứ 11, Vĩnh Thuận, Hòn Đất, Sóc Sơn trên phạm vi toàn thị trấn.</p>	<p>+ Giai đoạn 2022 - 2023: Tập trung thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Quy hoạch chung đô thị mới Kiên Lương; tổ chức lập Quy hoạch chung các đô thị mới Tân Khánh Hòa (huyện Giang Thành), Hòn Tre, An Sơn, Lại Sơn, Nam Du (huyện Kiên Hải), Thứ Bảy (huyện An Biên), Thuận Hưng (huyện Giồng Riềng), Thổ Chu (thành phố Phú Quốc), Xẻo Nhàu (huyện An Minh).</p>	<p>Điều chỉnh tiến độ thực hiện</p>
<p>+ Giai đoạn 2022 - 2023: Tổ chức lập Điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Tân Khánh Hòa (huyện Giang Thành), đô thị Thuận Hưng (huyện Giồng Riềng), đô thị Thứ 7 (huyện An Biên); Tổ chức lập Quy hoạch chung các đô thị Hòn Tre, An Sơn, Lại Sơn, Nam Du (huyện Kiên Hải), Xẻo Nhàu (huyện An Minh).</p>	<p>+ Tập trung hoàn thành quy hoạch chung đô thị trong Quý I năm 2023 cho các thị trấn Tân Hiệp, Giồng Riềng, Thứ Ba, Gò Quao, Vĩnh Thuận, Minh Lương, Thứ Mười Một, Hòn Đất, Sóc Sơn; các đô thị mới Tắc Cậu, Thổ Sơn, U Minh Thượng.</p>	
<p>+ Giai đoạn 2023 - 2024: Tổ chức lập Quy hoạch chung các đô thị Mỹ Lâm (huyện Hòn Đất), Vĩnh Phú (huyện Giang Thành), Thạnh Đông A, Thạnh Đông, Cây Dương (huyện Tân Hiệp), Định An (huyện Gò Quao), Long Thạnh (huyện Giồng Riềng), Bình Minh (huyện Vĩnh Thuận), Nhà Ngang (huyện U Minh Thượng).</p>	<p>+ Giai đoạn 2023 - 2024: Tổ chức lập Quy hoạch chung các đô thị mới Mỹ Lâm (huyện Hòn Đất), Vĩnh Phú (huyện Giang Thành), Thạnh Đông A, Thạnh Đông, Cây Dương (huyện Tân Hiệp), Định An (huyện Gò Quao), Long Thạnh (huyện Giồng Riềng), Bình Minh (huyện Vĩnh Thuận), Nhà Ngang (huyện U Minh Thượng).</p>	<p>Giữ nguyên tiến độ thực hiện</p>

(chi tiết tại Phụ lục 3 đính kèm Kế hoạch điều chỉnh này)

4. Điều chỉnh tiểu mục 4 của mục II Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh

Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh	Điều chỉnh	Ghi chú
Đối với Quy hoạch phân khu đô thị (tại các đô thị Rạch Giá, Hà Tiên, Phú Quốc) và Quy hoạch chi tiết khu trung tâm thị trấn, đô thị (tại các địa phương còn lại)		
Giao Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Ban quản lý Khu kinh tế Phú Quốc xây dựng kế hoạch triển khai tổ chức lập các đồ án quy hoạch này trong giai đoạn 2021 - 2023 phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo.	Giao Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Ban quản lý Khu kinh tế Phú Quốc xây dựng kế hoạch triển khai tổ chức lập các đồ án quy hoạch này trong giai đoạn 2022 - 2023 và 2023 - 2024 phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo.	Điều chỉnh kế hoạch triển khai

5. Điều chỉnh mục kinh phí của Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh

Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh	Điều chỉnh	Ghi chú
- Tổng kinh phí dự kiến để lập các Quy hoạch xây dựng liên huyện, vùng huyện và quy hoạch chung đô thị trong cả giai đoạn 2020 - 2024 khoảng 134.288 triệu đồng. Trong đó:	- Tổng kinh phí dự kiến để lập các Quy hoạch xây dựng liên huyện, vùng huyện và quy hoạch chung đô thị trong cả giai đoạn 2020 - 2024 khoảng 165.494 triệu đồng (tạm tính). Trong đó:	Bổ sung kinh phí lập Quy hoạch xây dựng vùng huyện Kiên Hải
+ Kinh phí lập các Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện là khoảng 17.024 triệu đồng.	+ Kinh phí lập các Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện là khoảng 15.429 triệu đồng.	Giảm 1.595 triệu
+ Kinh phí lập các Quy hoạch xây dựng vùng huyện là khoảng 25.629 triệu đồng.	+ Kinh phí lập các Quy hoạch xây dựng vùng huyện là khoảng 26.273 triệu đồng.	Tăng 644 triệu
+ Kinh phí lập các Quy hoạch chung là khoảng 91.635 triệu đồng.	+ Kinh phí lập các Quy hoạch chung là khoảng 123.318 triệu	Tăng 31.683

	đồng.	triệu
- Tổng kinh phí dự kiến được phân kỳ theo các năm.	- Tổng kinh phí dự kiến được phân kỳ theo các năm và theo chi phí lập quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt đối với từng danh mục quy hoạch. - Chi phí thực hiện sẽ được thanh quyết toán theo khối lượng thực tế thực hiện và kết quả thẩm định.	

(chi tiết tại Phụ lục 4 đính kèm Kế hoạch điều chỉnh này)

6. Các nội dung khác: Thực hiện theo Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh

Giao Sở Xây dựng làm cơ quan đầu mối theo dõi đôn đốc thực hiện Kế hoạch này. Định kỳ 06 tháng báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

Các sở, ban ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện tốt các nội dung của Kế hoạch này. Trong quá trình triển khai thực hiện, có khó khăn, vướng mắc thì các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về UBND tỉnh (thông qua Sở Xây dựng) để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp. *Thư*

Nơi nhận:

- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP; P.KT; P.TH;
- Lưu: VT, cvquoc.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH,**



Lê Quốc Anh



Phụ lục 1

Danh mục lập các quy hoạch xây dựng vùng liên huyện trên địa bàn tỉnh
(Kèm theo Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 23/10/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang)

STT	Tên quy hoạch	Kinh phí dự kiến (triệu đồng)	Giữ nguyên theo Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh Kiên Giang		Ghi chú
			Năm 2023	Năm 2024	
	Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện	15.429			
1	Vùng Tứ giác Long Xuyên	4.561	x		Tạm tính
2	Vùng Tây Sông Hậu	3.955		x	Tạm tính
3	Vùng U Minh Thượng	4.003		x	Tạm tính
4	Vùng hải đảo	2.910	x		Tạm tính

Phụ lục 2

Danh mục lập các quy hoạch xây dựng vùng huyện trên địa bàn tỉnh
(Kèm theo Kế hoạch số 333/KH-UBND ngày 11/10/2022 của UBND tỉnh Kiên Giang)

STT	Tên quy hoạch	Kinh phí dự kiến (Triệu đồng)	Kế hoạch số 148		Điều chỉnh Kế hoạch số 148		Ghi chú
			Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	
	QHXD Vùng huyện	26.273					
	Đã phê duyệt Đồ án	11.099					
1	Vùng huyện Gò Quao (Chi phí: 2249/QĐ-UBND 01/10/2019)	2.155	x				Đã phê duyệt Đồ án
2	Vùng huyện Giồng Riềng (Chi phí: 2248/QĐ-UBND 01/10/2019)	2.377	x				
3	Vùng huyện Tân Hiệp (Nhiệm vụ, chi phí: 1853/QĐ-UBND 18/8/2022)	1.853		x			
4	Vùng huyện Kiên Lương (Chi phí: 1822/QĐ-UBND 06/8/2020)	2.580		x			
5	Vùng huyện Vĩnh Thuận (Chi phí: 2251/QĐ-UBND 01/10/2019)	2.134		x			
	Chưa phê duyệt Đồ án	15.174					
6	Vùng huyện An Biên (Chi phí: 2313/QĐ-UBND 02/10/2020)	2.109		x	x		Đã ghi vốn
7	Vùng huyện Châu Thành	2.441		x		Quý I/ 2023	Tạm tính
8	Vùng huyện Hòn Đất	2.990		x		Quý I/ 2023	Tạm tính
9	Vùng huyện An Minh	2.191		x		Quý I/ 2023	Tạm tính
10	Vùng huyện U Minh Thượng	2.191		x		Quý I/ 2023	Tạm tính
11	Vùng huyện Giang Thành	2.164		x		Quý I/ 2023	Tạm tính
12	Vùng huyện Kiên Hải	1.088		x		Quý I/ 2023	Bổ sung. Tạm tính

Ghi chú:

- Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2937/QĐ-UBND ngày 23/12/2020.
- Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2938/QĐ-UBND ngày 23/12/2020.
- Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang đến năm 2035 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 11/5/2021.
- Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2962/QĐ-UBND ngày 02/12/2021.
- Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3309/QĐ-UBND ngày 31/12/2021.
- Nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2313/QĐ-UBND ngày 02/10/2020.



7. Nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2192/QĐ-UBND ngày 30/8/2022.

8. Nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2255/QĐ-UBND ngày 08/9/2022.

9. Nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 15/8/2022.

10. Quy hoạch xây dựng vùng huyện U Minh Thượng đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương lập tại Thông báo số 374/TB-VP ngày 01/6/2021 của Văn phòng UBND tỉnh Kiên Giang.

11. Quy hoạch xây dựng vùng huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương lập tại Công văn số 881/VP-KT ngày 08/02/2021 của Văn phòng UBND tỉnh.

12. Quy hoạch xây dựng vùng huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương lập tại Công văn số 5825/VP-KT ngày 27/7/2022 của Văn phòng UBND tỉnh.



Phụ lục 3

Danh mục lập các quy hoạch chung đô thị trên địa bàn tỉnh

(Kèm theo Kế hoạch số 221/KH-UBND ngày 11/10/2022 của UBND tỉnh Kiên Giang)

STT	Tên quy hoạch	Kinh phí dự kiến (Triệu đồng)	Kế hoạch số 148				Điều chỉnh kế hoạch số 148			Ghi chú	
			Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024		
Danh mục các quy hoạch chung đô thị (Giai đoạn 1)											
1.	Điều chỉnh QHC thành phố Rạch Giá (Chi phí: 2300/QĐ-UBND ngày 08/10/2019)	6.326	x					x			Đã ghi vốn GD 2016-2020
2.	QHC thành phố và Khu KT cửa khẩu Hà Tiên (Chi phí: 1242/QĐ-UBND ngày 26/5/2020)	7.448	x					x			
3.	QHC thành phố Phú Quốc		x					x			Vốn tài trợ
4.	QHC thị trấn Tân Hiệp (Chi phí: 1217/QĐ-UBND ngày 19/5/2022)	5.426	x						Quý I/2023		Đã ghi vốn GD 2021-2025
5.	QHC thị trấn Giồng Riềng (Chi phí: 1218/QĐ-UBND ngày 19/5/2022)	5.408	x						Quý I/2023		
6.	QHC thị trấn Thứ Ba (đô thị An Biên) (Chi phí: 1118/QĐ-UBND ngày 04/5/2022)	5.512	x						Quý I/2023		
7.	QHC thị trấn Gò Quao (Chi phí: 2213/QĐ-UBND ngày 06/9/2022)	4.989	x						Quý I/2023		
8.	QHC thị trấn Vĩnh Thuận	4.815		x					Quý I/2023		Tạm tính
9.	QHC thị trấn Minh Lương (Châu Thành)	4.570	x						Quý I/2023		Tạm tính
10.	QHC thị trấn Thứ 11 (An Minh)	4.306		x					Quý I/2023		Tạm tính
11.	QHC thị trấn Hòn Đất	5.124		x					Quý I/2023		Tạm tính
12.	QHC thị trấn Sóc Sơn (Hòn Đất)	4.969		x					Quý I/2023		Tạm tính
13.	QHC đô thị mới Tắc Cậu (Châu Thành) (Nhiệm vụ, chi phí: 2659/QĐ-UBND ngày 23/11/2018)	1.033	x						Quý I/2023		Đã ghi vốn

14.	QHC đô thị mới Thổ Sơn (Hòn Đất)	4.584		x				Quý I/ 2023		Tạm tính
15.	QHC đô thị mới U Minh Thượng	3.604		x				Quý I/ 2023		Tạm tính
16.	QHC đô thị mới Kiên Lương	7.657	x					x		Tạm tính
	Tổng cộng (Giai đoạn 1)	75.771								
Danh mục các quy hoạch chung đô thị (Giai đoạn 2)										
17.	QHC đô thị mới Tân Khánh Hòa (Giang Thành)	1.522			x			x		Tạm tính
18.	QHC đô thị mới Hòn Tre (Kiên Hải)	2.201			x			x		Tạm tính
19.	QHC đô thị mới An Sơn (Kiên Hải)	3.350			x			x		Tạm tính
20.	QHC đô thị mới Lại Sơn (Kiên Hải)	3.792			x			x		Tạm tính
21.	QHC đô thị mới Nam Du (Kiên Hải)	3.379			x			x		Tạm tính
22.	QHC đô thị mới Thứ Bảy (An Biên)	3.086			x			x		Tạm tính
23.	QHC đô thị mới Thuận Hưng (Giồng Riềng)	3.086			x			x		Tạm tính
24.	QHC đô thị mới Thổ Chu (Phú Quốc)	2.954			x			x		Tạm tính
25.	QHC đô thị mới Xẻo Nhau (An Minh)	2.440			x			x		Tạm tính
26.	QHC đô thị mới Mỹ Lâm (Hòn Đất)	4.297				x			x	Tạm tính
27.	QHC đô thị mới Vĩnh Phú (Giang Thành)	1.632				x			x	Tạm tính
28.	QHC đô thị mới Thạnh Đông A (Tân Hiệp)	2.271				x			x	Tạm tính
29.	QHC đô thị mới Thạnh Đông (Tân Hiệp)	1.527				x			x	Tạm tính
30.	QHC đô thị mới Cây Dương (Tân Hiệp)	2.664				x			x	Tạm tính
31.	QHC đô thị mới Định An (Gò Quao)	3.968				x			x	Tạm tính
32.	QHC đô thị mới Long Thạnh (Giồng Riềng)	1.827				x			x	Tạm tính
33.	QHC đô thị mới Bình Minh (Vĩnh Thuận)	1.311				x			x	Tạm tính
34.	QHC đô thị mới Nhà Ngang (U Minh Thượng)	2.240				x			x	Tạm tính
	Tổng cộng (Giai đoạn 2)	45.547								

Ghi chú:

1. Nhiệm vụ Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 689/QĐ-UBND ngày 19/3/2020.

2. Nhiệm vụ quy hoạch chung thành phố và khu kinh tế cửa khẩu Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 29/QĐ-TTg ngày 07/01/2020.

3. Nhiệm vụ Quy hoạch chung thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 767/QĐ-TTg ngày 23/6/2022.

4. Nhiệm vụ Quy hoạch chung thị trấn Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang đến năm 2035 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3306/QĐ-UBND ngày 31/12/2021.

5. Nhiệm vụ Quy hoạch chung thị trấn Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang đến năm 2035 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3305/QĐ-UBND ngày 31/12/2021.

6. Nhiệm vụ Quy hoạch chung thị trấn Thứ Ba, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang đến năm 2035 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3307/QĐ-UBND ngày 31/12/2021.

7. Nhiệm vụ Quy hoạch chung thị trấn Gò Quao, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang đến năm 2035 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1949/QĐ-UBND ngày 08/8/2022.

8. Nhiệm vụ Quy hoạch chung thị trấn Minh Lương, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3308/QĐ-UBND ngày 31/12/2021.

9. Nhiệm vụ Quy hoạch chung đô thị mới Tắc Cậu, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đến năm 2025, tỷ lệ 1/2000 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2659/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 và Quyết định số 126/QĐ-UBND ngày 07/01/2022 về việc phê duyệt Điều chỉnh tên gọi nhiệm vụ quy hoạch, Khoản 2, Khoản 7 Điều 1 Quyết định số 2659/QĐ-UBND ngày 23/11/2018.

10. Nhiệm vụ Điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Kiên Lương huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040, tỷ lệ 1/10.000 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2957/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 và Quyết định số 1325/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 về việc phê duyệt Điều chỉnh Khoản 1, Khoản 4 và Khoản 8, Điều 8, Điều 1 Quyết định số 2957/QĐ-UBND ngày 27/12/2019.

(Đang tổ chức lập quy hoạch theo Công văn số 3966/BXD-QHKT ngày 07/9/2022 của Bộ Xây dựng về việc chủ trương lập và phê duyệt Quy hoạch đô thị Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040.)

11. Nhiệm vụ Quy hoạch chung đô thị Thứ 11, tỉnh Kiên Giang đến năm 2030, tỷ lệ 1/2000 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2684/QĐ-UBND ngày 25/11/2019.

(Đang hiệu chỉnh lại phạm vi ranh giới lập quy hoạch trên toàn bộ diện tích tự nhiên của thị trấn Thứ 11, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang và thời hạn quy hoạch đến năm 2035.)

12. Quy hoạch chung đô thị U Minh Thượng, huyện U Minh Thượng đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương lập mới tại Công văn số 6181/VP-KT ngày 05/10/2020.

13. Chi phí tạm tính căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch khu chức năng đặc thù; Quyết định số 1180/QĐ-UBND ngày 02/6/2010 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt Quy hoạch vùng tỉnh Kiên Giang đến năm 2025.





Phụ lục 4
Bảng tổng hợp kinh phí dự kiến lập các QHXD vùng liên huyện, vùng huyện và Quy hoạch chung đô thị.
(Kèm theo Kế hoạch số 221/RH-UBND ngày 11/10/2022 của UBND tỉnh Kiên Giang)

STT	Tên quy hoạch	Thành tiền (Triệu đồng)				Ghi chú
		Kế hoạch số 148	Điều chỉnh Kế hoạch số 148	Biến động		
		Giai đoạn 2020-2024	Giai đoạn 2020-2024	Tăng/giảm	(Triệu đồng)	
I	QHXD Vùng liên huyện	17.024	15.429	Giảm	- 1.595	
II	QHXD Vùng huyện	25.629	26.273	Tăng	644	Bổ sung kinh phí lập QHXD vùng huyện Kiên Hải
1	QHXD Vùng huyện đã phê duyệt Đồ án	10.956	11.099	Tăng	143	
2	QHXD Vùng huyện chưa phê duyệt Đồ án	14.673	15.174	Tăng	501	
III	Quy hoạch chung đô thị	91.635	123.318	Tăng	31.683	
	Tổng cộng	134.288	165.020	Tăng	30.732	